

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang.
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt; anh T, bà H, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T được tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/6/2015. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T ở thôn Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình, sau đó vợ chồng thuê nhà ra ở riêng. Tuy nhiên, ngay từ khi kết hôn vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, không đi làm, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, có lần 1, 2 ngày mới về nhà, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Không những thế, anh T còn vay mượn tiền của nhiều người, nhiều lần chị và bố mẹ anh T phải trả nợ cho anh T. Chị T đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh T không chịu sửa sai, vẫn chứng nào tật ấy. Khoảng tháng 5/2017, do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị không thể chịu đựng được nữa nên chị đã đưa con về nhà ngoại ở từ đó đến nay. Gia đình hai bên có khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng, anh T có đến tìm chị và con về nhưng chị xác định anh T không hề thay đổi, chị không thể chung sống với anh T được nữa nên chị không về. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 31/10/2015 hiện nay đang ở với chị T. Ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T làm công nhân, thu nhập trung bình từ 4.500.000đ đến 5.000.000đ/01 tháng. Chị có nhà của bà ngoại chị để mẹ con chị ở và bà ngoại chị sẽ giúp đỡ chị trong việc trông nom chăm sóc cháu.

Về tài sản: Chị T, anh T không có tài sản chung. Về nợ chung, anh chị có vay Quỹ tín dụng nhân dân H, huyện V số tiền 9.000.000đ. Sau khi làm đơn ly hôn, chị đã vay bà ngoại chị là bà Trần Thị T số tiền 4.500.000đ để trả cho Quỹ tín dụng, còn nợ Quỹ tín dụng số tiền 4.500.000đ là trách nhiệm của anh T. Sau này, chị sẽ có trách nhiệm trả bà chị sau. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

*/ Tại biên bản xác minh với UBND xã D, huyện V và Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Trần Thị H thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T còn ham chơi, chưa tu chí làm ăn,

chăm lo cho vợ con trong khi kinh tế của vợ chồng trẻ còn khó khăn, từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xích mích, cãi cọ, đánh cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Đầu năm 2018, vợ chồng chị T, anh T đã sống ly thân, chị T có về nói với gia đình anh T về việc mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, không thể tiếp tục chung sống được nữa và có nguyện vọng ly hôn. Gia đình anh T có động viên chị T để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T vẫn không thay đổi. Nay chị T xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án phân tích, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T có biết việc chị T xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc. Về con chung: Anh T, chị T có 01 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 31/10/2015 hiện đang ở với mẹ. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi là phù hợp. Về tài sản chung: Chị T, anh T không có tài sản chung. Anh chị có nợ Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 9 triệu đồng, hiện chị T đã trả được 4,5 triệu, số tiền còn lại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà H đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án thay cho anh T, gia đình bà đã thông báo cho anh T, anh T đã biết việc chị T xin ly hôn anh nhưng anh không về giải quyết được.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Trần Thị T, bà ngoại chị T thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân và biểu hiện của mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Gia đình có khuyên giải nhiều lần để anh T thay đổi tính nết nhưng anh T không nghe. Đến nay chị T không thể chịu đựng được thêm, vợ chồng anh chị không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T. Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 31/10/2015 hiện đang ở với mẹ và bà. Nếu vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi, bà sẽ có trách nhiệm trong việc hỗ trợ chị T trông nom, chăm sóc cháu N. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có nợ Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 9.000.000 đồng. Ngày 20/7/2018 Quỹ tín dụng có đòi nên bà đã cho chị T vay 4.500.000 đồng để trả Quỹ tín dụng phần của chị T. Việc vay nợ giữa bà và chị T bà sẽ tự đòi, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*/ Tại biên bản làm việc ngày 13/9/2018 với ông Lưu Huy D - Chủ tịch Hội đồng quản trị- Đại diện theo pháp luật cho Quỹ tín dụng nhân dân H, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện: Ngày 22/5/2017 chị Trần Thị T và anh Phạm Văn T có vay Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 9.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10,2%/năm. Ngày 20/7/2018 gia đình chị T đã trả một nửa số tiền là 4.500.000 đồng. Số tiền gốc còn lại và lãi là trách nhiệm trả nợ của anh T. Đến nay, anh T không đến Tòa án làm việc nên Quỹ tín dụng hiện chưa đề nghị Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ án ly hôn. Khi nào Quỹ tín dụng có yêu cầu sẽ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau.

*/Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh T, Về con chung: Giao con Phạm Yến N cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; chị T, anh T đều cư trú huyện V, tỉnh Thái Bình, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế do anh T không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo và hòa giải nhưng không có kết quả, chị T đã đưa con về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ đầu năm 2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là có thật, đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng nếu có đoàn tụ cũng không thể có hạnh phúc nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 31/10/2015 hiện đang ở với chị T. Anh T hiện nay thường xuyên đi vắng, không có công việc, thu nhập ổn định; chị T hiện ở với bà ngoại, đi làm công nhân, thu nhập từ 4,5 đến 5 triệu đồng/01 tháng, có sự hỗ trợ của bà ngoại trong việc chăm sóc, trông nom con Yến N nên cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: hiện nay chị T, bà Trần Thị T, Quỹ tín dụng nhân dân H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến gì về quan hệ tài sản nên tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu là phù hợp.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Phạm Yến N, sinh ngày 31/10/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002983 ngày 21/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/10/2018; anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái

Bình;

- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương